

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát;

Bà Phan Thị Minh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 12 năm 2021 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng vào ngày 30/11/2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 99). Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ cuối năm 2020, do anh H ham chơi bài bạc, không tôn trọng chị và

gia đình chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh H đánh chị nhiều lần. Mâu thuẫn đã được gia đình, thôn xóm khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Thị, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010; Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2015. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi đủ 18 tuổi; đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh đến khi đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 01 năm 2022, anh Nguyễn Văn H trình bày thống nhất với chị A về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng từ cuối năm 2020 do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin trong xây dựng kinh tế gia đình, chị A không biết cách đối nhân xử thế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị A nên anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị A đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tiên A đến khi đủ 18 tuổi; đồng ý để chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kiều L đến khi đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A; cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tiên A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A xin ly hôn anh Nguyễn Văn H và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K. Anh Hải đăng ký cư trú tại xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Văn H (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hải.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A xin ly hôn, anh Nguyễn Văn H xin đoàn tụ; căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh trầm trọng từ cuối năm 2020, do bất đồng quan điểm sống, anh H ham chơi bài bạc, không tôn trọng chị A và đánh chửi chị nhiều lần. Vợ

chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mâu thuẫn đã được Tổ hòa giải thôn H, xã T hòa giải để tình cảm anh chị được cải thiện nhưng không thành. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị A có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị A được ly hôn anh H là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H.

[4] Về nuôi con chung: Nguyên vọng của chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn H thống nhất anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tiên A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 đến khi đủ 18 tuổi; chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kiều L, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và chính quyền xã T cung cấp thì chị A làm nghề công nhân, anh H làm nghề tự do, đều thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/ tháng, đều có chỗ ở ổn định; nguyên vọng của cháu Anh được ở với anh H. Do đó cần giao cháu Anh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu L cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tiên A, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Thị Kiều L, sinh

ngày 14 tháng 9 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001632 ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị A đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

